

IN ẤN, XUẤT BẢN TRONG PHÁT TRIỂN CHỮ QUỐC NGỮ, BÁO CHÍ VÀ VĂN HỌC Ở NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN THỊ TRÚC BẠCH*

Sự ra đời và phát triển của in ấn, xuất bản ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa và ảnh hưởng rất lớn đến xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa. Dựa trên các tác phẩm sách, báo chí, bài viết trình bày sự phát triển của in ấn, xuất bản ở Nam Bộ đã góp phần làm tăng số lượng tác phẩm văn học, công chúng có nhiều cơ hội để đọc và yêu thích văn học.

Từ khóa: Nam Bộ, in ấn, xuất bản, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Nhận bài ngày: 26/10/2021; *đưa vào biên tập:* 26/10/2021; *phản biện:* 27/10/2021; *duyet đăng:* 21/11/2021

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh Nam Bộ trở thành xứ thuộc địa của Pháp, xã hội diễn ra những chuyển biến sâu sắc về chính trị, kinh tế và văn hóa. Sự ra đời của ngành in ấn và xuất bản hiện đại đóng vai trò nền tảng, có tính chất quyết định đối với quá trình hình thành và phát triển của báo chí và văn học quốc ngữ Nam Bộ.

Cuối thế kỷ XIX, ngành công nghiệp in ấn, xuất bản ở Nam Bộ ra đời theo

chủ ý của nhà cầm quyền Pháp, khởi điểm giai đoạn đầu tiên của lịch sử ngành in ấn, xuất bản hiện đại.

Đó là thời kỳ ngành in ấn, xuất bản chuyển từ kỹ thuật in thủ công sang phương thức in ấn công nghiệp hiện đại. In ấn, xuất bản thời kỳ này phát triển nhanh chóng đã tạo điều kiện cho báo chí, văn học quốc ngữ ở Nam Bộ nở rộ, góp phần cho quá trình hoàn thiện chữ quốc ngữ, hiện đại hóa văn học nước nhà. Đến nay, in ấn, xuất bản là một trong những ngành công nghiệp văn hóa (thuộc nhóm truyền thông) được nhà nước quản lý, tạo điều kiện phát triển.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

2. SỰ RA ĐỜI CỦA IN ẤN, XUẤT BẢN Ở NAM BỘ

In ấn hay còn gọi là ấn loát (Printing) là quá trình tạo ra chữ (hoặc hình ảnh) trên chất liệu nền là giấy bằng mực in công nghiệp. In ấn được thực hiện với số lượng ấn bản lớn, quy mô công nghiệp. In ấn là một bộ phận quan trọng của ngành xuất bản (McHale, 1995: 27-28). Xuất bản (Publishing) là việc phổ biến sách, báo chí hoặc thông tin. Xuất bản là hoạt động tổ chức các nội dung, hình thức, in ấn dưới dạng sách, báo, tạp chí để đồng đảo công chúng có thể tiếp cận. Xuất bản là một trong những hoạt động lưu giữ và truyền bá các giá trị văn hóa trong lịch sử phát triển của nhân loại nói chung, quốc gia, vùng đất nói riêng. Ở Việt Nam, từ thời nhà Lý đã có khắc bản in kinh, đến thời Hồ Quý Ly đã in tiền giấy. Lương Như Hộc (1420-1501) tự là Tường Phủ, sinh sống tại làng Hồng Liễu, huyện Trường Lâm (nay là Thanh Liễu, huyện Gia Lộc) tỉnh Hải Dương được vinh danh là ông tổ của nghề in ở Việt Nam. Ông học kỹ thuật khắc bản gỗ in vào đời Lê Nhân Tông Thái Hòa sau hai lần đi sứ Trung Hoa (năm 1443 và 1459): “Hai lần phụng mạng đi sứ sang Tàu, được đi xem người Tàu khắc gỗ làm bản in, lúc đi sứ về dạy nghề này cho người trong làng dùng mũi dao cong, khắc những bản kinh sứ có tiếng và in ra rồi”. “Làng Liễu Tràng ở cùng huyện cũng học nghề ấy, đến nay vẫn thờ ông làm tôn sư” (Nghịệp đoàn Nhà in và Nhà xuất bản,

1961: 20-27). Vào những năm 1942-1944 ở Hà Nội, các sách có in kèm chữ Hán muốn nét chữ sắc nét, phần lớn các nhà xuất bản đều nhờ thợ khắc chữ Hải Dương, là người ở làng Hồng Liễu và Liễu Tràng.

Trong *Bích Câu kỳ ngộ*, Hoàng Xuân Hãn (1964: 19) viết: ở Việt Nam ngày xưa không có một luật lệ nào liên quan đến nghề in và ấn loát. Bất cứ một thợ in nào cũng có quyền in và bán sách cho độc giả. Ở làng Liễu Tràng tỉnh Hải Dương những người thợ in khắc chữ trên một tấm gỗ dùng để in (loại gỗ tốt nhất là gỗ cây thị, không bị mọt). Vì những nhà xuất bản và độc giả thường rất nghèo nên sách được in trên những loại gỗ xấu, kích thước nhỏ. Khi tấm gỗ dùng nhiều sẽ bị mòn, người thợ in dùng lại bản sao và dán ngược lên trên tấm gỗ mới theo nét mực để in lại.

Trước khi Pháp xâm lược, nghề in ấn và xuất bản chưa phát triển, phổ biến là loại bản in khắc gỗ chữ Hán, chữ Nôm. Một số người Hoa ở Chợ Lớn kinh doanh nghề in, họ nhập mẫu chữ rời từ Trung Hoa. Tuy nhiên, cách in chữ rời vẫn là in thủ công, hiệu quả không cao. Khi Pháp thiết lập bộ máy hành chính tại Nam Bộ, Pháp xác định dùng báo chí làm phương tiện giao tiếp giữa chính quyền và người dân địa phương, thì nhà in (giai đoạn đầu nhà in kết hợp nhà xuất bản) là một trong những thứ ưu tiên hàng đầu được thiết lập: “Một nhà thương, một khách sạn cho quan Toàn quyền, những nhà ở cho quân đội, viên chức,

nhà thờ và nhà in” (dẫn lại theo Nguyễn Văn Trung, 2015: 614). Những công trình này được Thống đốc Nam Kỳ Bonard thực hiện trong 18 tháng (từ tháng 11/1861 đến ngày 30/4/1863).

Năm 1862 Thống đốc Bonard gửi thư cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp yêu cầu chính phủ Pháp gửi thợ in và sắp chữ sang Việt Nam. Từ máy móc, mẫu chữ, mực in, giấy in đến thợ in đều được gửi từ Pháp sang. Năm 1862, nhà in Imprimerie Impériale được thành lập, đây là nhà in đầu tiên của chính quyền thuộc địa tại Sài Gòn. Nhà in Imprimerie Impériale, sau đổi tên là Imprimrie, rồi Coloniale Imprimerie du Gouvernement... Theo *Sách quan chế* của Huỳnh Tịnh Của, Nhà in Nhà nước in cho cả Đông Dương, các cơ quan địa phương trả tiền.

Các cơ sở in đầu tiên do người Pháp và các tổ chức Công giáo làm chủ, mãi đến đầu thế kỷ XX mới có một số nhà in do người Việt và người Hoa làm chủ, tuy nhiên giấy phép hoạt động phải mua lại của người Pháp, đội ngũ thợ in được đào tạo trong các nhà in của người Pháp.

Năm 1864, nhà in Nhà Chung (Imprimerie de la Mission, sau đổi thành Nhà in Tân Định) ra đời. Đây là nhà in đầu tiên ở Nam Bộ (1864-1870) do Đinh Thái Sơn - người Việt - làm chủ. Ban đầu chủ yếu in, xuất bản các kinh sách truyền đạo bằng mẫu tự Latinh, về sau nhà in đã in từ điển, sách biên khảo, tác phẩm văn học...

Trong *Nam Kỳ phong tục diễn ca* Nguyễn Liên Phong (2012: 133) từng khắc họa khung cảnh Sài Gòn những năm đầu thế kỷ XX với sự hiện diện của nhà in:

“Nhà in, nhà thuốc, nhà Chà
Nhà hàng ăn ngủ với nhà Lạc-xon
(Pauction).
Chỗ ăn, chỗ ngủ đều ngon,
Thong thả lại còn uống rượu đánh
lãng.
Phong lưu cách điệu ai bằng,
Đường đi trơn láng đèn giăng sáng
lòa...”.

Bên cạnh nhà in gắn với nhà xuất bản, còn có hoạt động của các thư quán, thư xã, ấn quán. Đến đầu thế kỷ XX, ngày càng có nhiều nhà in ra đời ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1901, Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 20 nhà in. Lúc đầu, các nhà in chủ yếu in các tài liệu và báo chí, về sau in truyện Tàu, truyện Tây, truyện Nôm dịch ra chữ quốc ngữ. Có thể thấy thời kỳ này nghề in thu nhiều lợi nhuận, kinh doanh nghề in nhanh chóng phát đạt. Nghề in ở Sài Gòn phát đạt vì sách báo in ra, nhất là truyện thơ, tiểu thuyết phát hành khắp lục tỉnh Nam Kỳ.

Sự phát triển của nghề in đã làm nở rộ hoạt động xuất bản ở Nam Bộ. Thời gian đầu, hoạt động của nhà in và phát hành chủ yếu do chính quyền và chủ các tờ báo. Về sau, khi văn học quốc ngữ phát triển (đặc biệt là tiểu thuyết quốc ngữ), công việc của nhà xuất bản, nhà in chủ động, linh hoạt hơn, với cách thức kinh doanh:

nhà xuất bản mua bản quyền, rồi thuê in ấn và tự phát hành; nhà in kiêm luôn chức năng xuất bản và phát hành; tác giả tự bỏ tiền ra lo cả chuyện in ấn và xuất bản. Lúc bấy giờ, các nhà xuất bản, nhà in hoạt động khá nhạy bén trong kinh doanh. Họ nắm bắt được thị hiếu độc giả chủ yếu thông qua thị trường báo chí. Phần lớn các tiểu thuyết nhiều kỳ giới thiệu trên báo nhằm thu hút độc giả, sau đó được in ấn, xuất bản phổ biến.

Từ năm 1920 đến 1940, số nhà in ở Sài Gòn tăng lên gấp 4 lần (gần 80 cơ sở in), có những nhà in chỉ tồn tại trong vòng một vài năm rồi đóng cửa hoặc sáp nhập vào các cơ sở khác. Theo tư liệu lưu trữ của Sở Văn hóa Thông tin TP HCM (2001), từ năm 1862 đến 1932 tại Sài Gòn có khoảng 73 nhà in gồm các doanh nghiệp chủ yếu là Pháp, Việt và Hoa. Các nhà in của người Hoa và Việt chiếm trên 60%. Thị trường in ấn, xuất bản ở Sài Gòn phát triển đã mang đến cho các nhà tư sản người Việt, doanh nghiệp Việt cơ hội làm giàu từ kinh doanh in ấn, xuất bản. Trong *Sài Gòn năm xưa* (2018), Vương Hồng Sển từng kể đến “Ba nhơn vật đại diện nhóm kinh doanh thương mại”, ấn loát, khướch trương kinh tế là Đinh Thái Sơn, Nguyễn Văn Viết (phụ trách in tờ *Phụ Nữ Tân Văn* - 1929), Nguyễn Văn Cửa (phụ trách in tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* thay cho F.H. Schneider từ năm 1920).

Bên cạnh các nhà in, xuất bản ở Sài Gòn, các cơ sở in cũng xuất hiện ở

các tỉnh Nam Bộ. Ở Sa Đéc có nhà in M. Hà Phước Tường, Cần Thơ có nhà in Imprimerie de l'Ouest, Bến Tre có nhà in của ông Võ Văn Vân và nhà in Bùi Văn Nhẫn. Tác giả Võ Văn Nhơn (2007: 156) trong công trình *Văn học quốc ngữ trước năm 1945* cho biết Nữ Lưu Thơ Quán của Phan Thị Bạch Vân: “Lựa chọn để bán ra cho cả thầy chị em bạn gái bằng cái giá thật hạ những truyện sách xuất bản trong xứ, có ích cho tinh thần đạo đức và nền luân lý nước nhà, giúp cho trí thức nữ lưu được chóng mở học vấn thêm cao. Trước tác, sưu tầm dịch thuật và lãnh xuất bản những cáo văn thật sự có giá trị về chánh trị, lịch sử, truyện ký, tiểu thuyết, phụ nữ vấn đề, nữ công, văn học, khoa học, thương mại và thiết nghiệp”. Nữ Lưu Thơ Quán tồn tại chỉ hai năm nhưng đã đóng góp đáng kể trong việc xuất bản nhiều tác phẩm có giá trị, góp phần truyền bá tư tưởng tiến bộ, dân chủ, những kiến thức khoa học cho thanh niên, đặc biệt cho nữ giới.

Những nhà in kiêm nhà xuất bản có uy tín như: F.H. Schneider, de l'Union, Nguyễn Văn Viết, Xưa Nay, Bảo Tồn, Đức Lưu Phương, Tín Đức Thư Xã... góp phần không nhỏ cho sự phát triển của báo chí, đưa văn học đến với công chúng Nam Bộ lúc bấy giờ.

3. IN ẤN, XUẤT BẢN Ở NAM BỘ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX – TIỀN ĐỀ QUAN TRỌNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ QUỐC NGỮ, BÁO CHÍ VÀ VĂN HỌC

3.1. In ấn, xuất bản là nền tảng phát triển báo chí quốc ngữ Nam Bộ

Trong *Print and Power* (In ấn và quyền lực) Shawn Frederick McHale (1995: 13) đã viết: “Chính quyền thuộc địa Pháp cần rất nhiều tài liệu in ấn (mẫu đơn, hóa đơn, báo cáo...) để hoạt động một cách trôi chảy (có người đã cho rằng chính phủ thực dân cần giấy nhiều như vũ khí để giữ người dân dưới sự kiểm soát của họ”. Theo tác giả, sự ra đời của văn hóa in ấn (print culture) ở Việt Nam thế kỷ XX là một bước chuyển quan trọng, đánh dấu sự dịch chuyển mô thức giao tiếp giữa chính quyền và người dân trong xã hội. Sự ra đời của in ấn đã mở ra những không gian mới, diễn đàn mới, phong trào dân chủ mới cho người Việt Nam, dù chưa thật mạnh mẽ (McHale, 1995: 7-10). Shawn Frederick McHale dùng thuật ngữ “Public sphere” (không gian công) của Jurgen Habermas để luận giải về những giá trị truyền thông, xã hội mà in ấn đã mang đến cho con người vùng đất này.

Với máy in và một số thợ in đã chuẩn bị từ trước, ngày 29/9/1861 Thống đốc Bonard cho xuất bản tờ *Le Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine* (Nam Kỳ Viễn Chinh Công Báo). Đây là tờ tuần báo tiếng Pháp đầu tiên xuất bản tại Nam Bộ. Tờ báo là phương tiện thông tin giữa nhà cầm quyền Pháp với sĩ quan, binh lính, tay sai và người dân bản xứ. Nội dung chính nhằm thông báo những hoạt động của Thống đốc Nam Kỳ;

đăng quyết định, nghị định, mệnh lệnh. Riêng tờ *Le Courier de Saigon* (Sài Gòn Thời Báo), phát hành ngày 1/1/1864, ngoài đăng những công văn, nghị định của chính quyền Pháp, báo còn chú ý đề cập đến những tin tức xã hội, mỗi số có phụ trang văn học hoặc lịch sử. Sau một thời gian phát hành báo tiếng Pháp tại Nam Bộ, Pháp nhận ra báo chí vẫn chưa thu hút sự chú ý của toàn xã hội. Do bấy giờ, đại đa số người dân bản xứ chưa biết tiếng Pháp. Báo chữ Hán chỉ phổ biến trong giới quan lại triều Nguyễn và số ít trí thức Nho học. Chính sự bất cập đó, Pháp quyết định in ấn, xuất bản báo quốc ngữ.

Có thể nói, không phải những tác phẩm văn chương, mà báo chí mới chính là phương tiện đầu tiên phổ biến rộng rãi chữ quốc ngữ ở Nam Bộ. *Gia Định Báo*, tờ báo quốc ngữ ra đời ngày 15/4/1865, đánh dấu sự mở đầu của lịch sử báo chí Việt Nam. Sau đó, các tờ báo khác lần lượt xuất hiện: *Nhật Trình Nam Kỳ* (1883), *Bảo Hộ Nam Dân* (1888), *Thông Loại Khóa Trình* (1888), *Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo* (1892), *Phan Yên Báo* (1898), *Nông Cổ Mìn Đàm* (1901), *Lục Tỉnh Tân Văn* (1907), *Công Luận Báo* (1916)... và đến năm 1930 có 80 tờ báo và tạp chí lưu hành trong cả nước, riêng ở Sài Gòn phát hành 50 tờ. Sài Gòn - Gia Định là mảnh đất màu mỡ của báo chí. Chữ quốc ngữ đến với Nam Bộ sớm hơn, nên báo chí quốc ngữ trở thành món ăn tinh thần thiết yếu của công chúng nhiều tầng lớp.

Ấn tượng mà người đọc dễ dàng nhận thấy là buổi đầu của báo chí Nam Bộ dung nạp tất cả mọi dạng thông tin, từ tác phẩm văn chương đến chuyện thương mại, khoa học, tôn giáo, y tế, quảng cáo...

Hai thập niên đầu của thế kỷ XX, Sắc luật báo chí (ban hành ngày 30/12/1898) đã kiểm soát các hoạt động của báo chí quốc ngữ ở Nam Bộ. Chính quyền thực dân Pháp dựa vào luật để ngăn cản sự ra đời của báo chí quốc ngữ. Báo chí quốc ngữ giai đoạn này chủ yếu do người Pháp sáng lập, chịu trách nhiệm xuất bản và người Việt giữ vai trò chủ bút. Tiêu biểu như tờ *Nông Cổ Mìn Đàm* ra đời vào năm 1901, chủ nhân là Canavaggio (người Pháp), chủ bút là Lương Khắc Ninh tự Dủ Thúc. Lục Tỉnh Tân Văn phát hành năm 1907, chủ nhân là F.H. Schneider (người Pháp gốc Đức), chủ bút là Trần Nhật Thăng (tức G. Chiếu). Công Luận Báo xuất bản năm 1916, chủ nhân là Lucien Héloury (người Pháp), chủ bút là Trương Duy Toàn... Từ năm 1920, tình hình báo chí quốc ngữ tại Nam Bộ có những chuyển biến đáng kể. A. Sarraut đề xướng việc mở rộng nền báo chí thuộc địa và quyết dùng báo chí để cải biến xã hội. Với ông, “một tờ báo, một ngọn bút, để còn có cái nguyên động lực nào bằng” (NGC, 1930). Theo đó, chính quyền thực dân Pháp mở rộng việc cấp giấy phép phát hành báo chí quốc ngữ. Những người sáng lập báo quốc ngữ giai đoạn này gồm cả người Pháp và

người Việt, song chủ yếu là người Việt. Mỗi số báo trước khi phát hành đều phải thông qua Ty Kiểm duyệt. Ty Kiểm duyệt phát hiện tờ báo nào có khuynh hướng chống Pháp thì lập tức bị đình bản hoặc đóng cửa nhà in, xuất bản.

So với hai thập niên đầu của thế kỷ XX số lượng báo quốc ngữ ở thập niên thứ ba tăng lên gấp ba lần. Báo chí giai đoạn này phát triển mạnh về số lượng lẫn chất lượng. Bên cạnh sự phát triển của báo chí, văn học quốc ngữ nói chung, tiểu thuyết nói riêng có những bước phát triển. Có thể nói, giai đoạn phát triển của báo chí quốc ngữ cũng là thời kỳ đầu nở rộ của văn học quốc ngữ Nam Bộ (tiểu thuyết, đoản thiên tiểu thuyết, phê bình văn học).

3.2. Góp phần phổ cập và phát triển chữ quốc ngữ

Cuối thế kỷ XIX, bên cạnh sự ra đời liên tục của báo chí Pháp ngữ, nhà cầm quyền quyết định cấp giấy phép xuất bản cho báo quốc ngữ như *Gia Định Báo*, *Phan Yên Báo*. Ngày 14/2/1901 Thống đốc Paul Doumer ban hành nghị định “chuẩn cho ông Canavaggio lập nhật trình *Nông Cổ Mìn Đàm*, số 1 ngày 1/8/1901). Hơn 5 tháng sau, ngày 1/8/1901 tờ *Nông Cổ Mìn Đàm* phát hành số đầu tiên. *Nông Cổ Mìn Đàm* tích cực tham gia phong trào phổ biến chữ quốc ngữ bằng những tác phẩm dịch từ truyện Tàu, truyện Pháp sang chữ quốc ngữ như: *Tam quốc chí tục dịch* của P.

Canavaggio (1901), *Tiền căn báo hậu* của Trần Chánh Chiêu (1907), *Rocamboles Tome V. Les drames de Paris* của Lê Hoàng Mưu (1912)...

Tiếp theo *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tinh Tân Văn*, *Công Luận Báo* lần lượt được xuất bản. Báo chí quốc ngữ cổ động phong trào phổ biến, phát triển chữ quốc ngữ bằng những bài xã luận như: *Khuyên học chữ quốc ngữ* của J.B. Bùi Minh Đường (*Lục Tinh Tân Văn*, số 118 ngày 28/4/1910); *Chấn chỉnh quốc văn* của Tỉnh Tâm (*Lục Tinh Tân Văn*, số 1143 đến 1147 ngày 19/5/1922); *Tiếng Annam. Tiêu một thứ tiếng, nát một dân tộc. Muốn học tiếng Annam phải học nơi nào? Nên bảo tồn tiếng Annam hay là nên bảo tồn chữ Hán của Văn* (*Lục Tinh Tân Văn*, số 1451 ngày 5/6/1923); *Văn quốc ngữ nước Nam ta mai sau này hay dở cùng chữ quốc ngữ* của Nguyễn Văn Hộ (*Công Luận Báo*, số 74/3 đến 78/7 ngày 7/3/1924); *Quốc văn hồn, Annam chữ nghĩa có sẵn, tiếng nói không nghèo* của Đặng Thúc Liêng (*Đông Pháp Thời Báo*, số 2 ngày 4/5/1923)... Nội dung chính của những bài xã luận này nhằm cổ động cho phong trào quảng bá chữ quốc ngữ. Trước những hoạt động công khai phổ biến, phát triển chữ quốc ngữ của báo chí quốc ngữ, một số tờ báo Pháp ngữ do người Việt chịu trách nhiệm tại Sài Gòn cũng bắt đầu dạy chữ Pháp, hướng dẫn dịch chữ Pháp sang chữ quốc ngữ trên báo, như tờ *Echo Annamite* (1920), *Essor Indochinois* (1926)...

Báo chí quốc ngữ những thập niên đầu thế kỷ XX còn khuyến khích độc giả tham gia viết báo. Những tờ báo lớn lúc bấy giờ như *Nông Cổ Mìn Đàm*, *Lục Tinh Tân Văn*, *Công Luận Báo*, *Đông Pháp Thời Báo* đều có mục Tự do diễn đàn, Thư tín dành cho độc giả. Bạn đọc có thể gửi đăng báo những bài thuộc thể tùy bút, bài phát biểu cảm nghĩ, bình phẩm tác phẩm mới. Điều này phản ánh tình hình báo chí khuyến khích quốc dân đọc, hiểu và viết văn quốc ngữ.

Vai trò của in ấn, xuất bản cần được xác lập là phổ biến, phát triển chữ quốc ngữ. Sự ra đời của in ấn, xuất bản không chỉ góp phần tăng sự hiện diện của các tờ báo, mà còn giúp công chúng Nam Bộ dễ dàng tiếp cận báo chí, phổ biến và hoàn thiện chữ quốc ngữ.

3.3. Tính kết nối của in ấn, xuất bản: nhà văn, tác phẩm và độc giả

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, báo chí quốc ngữ đã thu hút đội ngũ làm báo, viết văn bằng chữ quốc ngữ. In ấn, xuất bản là tiền đề cho sự phát triển của báo chí quốc ngữ, đồng thời có vai trò kết nối đại chúng quan trọng giữa nhà văn - tác phẩm - độc giả. Trước kia, khi kỹ thuật in ấn chưa phát triển, để nhân bản các cuốn sách chỉ có thể bằng cách chép tay. Những thập niên đầu thế kỷ XX, cùng với sự nở rộ của báo chí, các tác phẩm văn học được in ấn, xuất bản với số lượng nhiều chưa từng có so với trước đó. Cụ thể, từ 1915 đến 1932 đã có biết bao thay đổi trên thị

trường văn chương Nam Bộ. Từ việc chỉ mới xuất hiện vài đầu sách tiểu thuyết chưa thu hút được nhiều độc giả (năm 1915), thì đến năm 1932 chỉ riêng tiểu thuyết và đoản thiên tiểu thuyết của các nhà văn đăng trên báo và xuất bản thành sách đã lên đến con số ngàn. Theo thống kê của chúng tôi số tác phẩm văn xuôi được xuất bản những năm này đã lên đến 553 cuốn. “Đương buổi bấy giờ sách quốc ngữ ở nước ta rất phồn thịnh, mỗi ngày mỗi thấy xuất bản, ta cứ trông lên báo chương, tạp chí, bốn chữ “Giới thiệu sách mới” tuần nào cũng có thì đủ biết ngay” (Hồng Tiêu, 1924).

Các nhà in Đức Lưu Phương, Bảo Tồn, Nguyễn Văn Viết, Xưa Nay, Tín Đức Thư Xã, Thạch Thị Mậu... chủ động tìm kiếm các bản thảo để in ấn, xuất bản. Trên *Công Luận Báo* (số 105 ngày 3/6/1925) nhà in Lê Mai đăng quảng cáo mua bản thảo tiểu thuyết như sau:

“Mua mảo tiểu thuyết

Cùng chư văn sĩ

Nếu vị nào soạn được một cuốn tiểu thuyết tình mà là tình cao thượng, tôi xin đền ơn hai mươi bạc (20\$00) để nhậ trà chơi. Viết hai mươi trương giấy (viết một mặt) thứ giấy men thường của học trò đó.

... Khi viết xong xin gửi ngay đến quán Công Luận, cậ đăng vào báo; nếu mà quyển nào hay, tôi sẽ chịu mua liền, đặng in ra mà bán...

Lê Mai”

Nhà văn Phú Đức từng than phiền: “... Muốn làm ra một quyển sách có giá trị, nhà văn nhơn có tâm với xã hội, tốn biết bao huyết hăng công phu, thì làm xong rồi nhà in thì in đắt như thế, nhà lãnh bán thì ăn hoa hồng quá tộ như thế, thì còn ai dám nghĩ đến xuất bản, mà xuất bản tiền đâu? Cái hại nền văn học nước ta không phát đạt được, các ông có thể từ được cái lỗi của các ông không?”

Vẫn biết rằng mình đem tiền dựng máy in, không lẽ mình in phá giá, song lợi nhiều mà chỉ một lần, sao bằng lời ít mà thâu được nhiều lần, nhà trước thuật đối với ông như da với thịt, các ông không nên để cho người ta phiền trách, tính rẻ một phen người ta nhờ được một phen, một mai dân trí được sáng sủa, xã hội được vẻ vang, nền văn học kia các ông làm một bực công thần trong đó vậy...”.

Sự kết hợp giữa các nhà in, xuất bản và nhà văn bên cạnh những lợi ích kinh tế, còn góp phần đưa tác phẩm đến với công chúng, đáp ứng nhu cầu của công chúng. Người dân Nam Bộ từ chỗ xa lạ với văn học quốc ngữ dần dà trở nên quen thuộc và yêu thích.

Sự phát triển của in ấn, xuất bản đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của báo chí, văn học quốc ngữ ở Nam Bộ lúc bấy giờ.

4. KẾT LUẬN

In ấn, xuất bản là nền tảng truyền thông cho sự ra đời và phát triển của báo chí quốc ngữ Nam Bộ; góp phần phổ biến, phát triển và hoàn thiện chữ

quốc ngữ của báo chí, tác phẩm viết bằng quốc ngữ. In ấn, xuất bản cùng với các tùng thư, thư quán, văn xã có vai trò kết nối nhà văn, tác phẩm và công chúng. Chính các cơ sở in ấn và

xuất bản góp phần thúc đẩy sáng tác, gia tăng số lượng tác phẩm giới thiệu đến công chúng đọc và yêu thích văn học ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hoàng Xuân Hãn. 1964. *Bích Câu kỳ ngộ*. Huế: Viện Đại học Huế.
2. Hồng Tiêu. *Muốn quốc văn có giá trị ta phải làm thế nào*. *Đông Pháp Thời Báo*, số ngày 29/10/1924.
3. McHale, Shawn Frederick. 1995. *Print, Power, and the Transformation of Vietnamese Culture 1920-1945*. Cornell University, p.13.
4. NGC. “Tình hình báo giới ở xứ ta ngày nay”. *Nữ Giới Chung*, số 14 ngày 10/9/1930.
5. Nghiệp đoàn Nhà in và Nhà xuất bản. 1961. *Niên giám Nghiệp đoàn Nhà in và Nhà xuất bản*. Sài Gòn.
6. Nguyễn Liên Phong. 2012. *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
7. Nguyễn Văn Trung. 2015. *Hồ sơ về lục châu học*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
8. *Nông Cổ Mìn Đàm*. Số 1 ngày 1/8/1901.
9. Paulus Huỳnh Tịnh Của. 1888. *Sách quan chế*. Sài Gòn: Nhà in Nhà Nước.
10. Phú Đức. 1927. “Mấy điều khó khăn cho nền văn học nước nhà”. *Công Luận Báo*, số 580 ngày 23/3/1927.
11. Sở Văn hóa Thông tin TPHCM, 2001, Tài liệu nội bộ.
12. Trần Hữu Quang. 2015. *Xã hội học báo chí*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
13. Võ Văn Nhơn. 2007. *Văn học quốc ngữ trước 1945*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
14. Vương Hồng Sển. 2018. *Sài Gòn năm xưa*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.